

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-10-2019

*V/v: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ
cH, tranh chấp về chia tài sản chung.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Danh Sử
2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Trần Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc: “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ cH, tranh chấp về tài sản chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1969

-Bị đơn: chị Bùi Thị N, sinh năm 1969

Cùng trú tại: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình: do ông Hà Đăng Th - Phó giám đốc đại diện theo ủy quyền.

+ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Ninh Bình - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N: do ông Vũ Văn Q – Giám đốc là đại diện

Tại phiên tòa anh H có mặt, chị N, ông Th, ông Q vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại bản tự khai và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Bùi Thị N kết hôn năm 1990, có đăng ký tại UBND xã Q, huyện N. Hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã mất, và tại UBND xã Q cũng không còn lưu trữ về việc đăng ký kết hôn của anh và chị N. Sau khi cưới anh chị sống tại xã P. Hai bên sống hạnh phúc được đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp, nhiều lần anh chị xô xát với nhau. Anh chị ly thân 14 năm nay. Nay xét thấy không thể kéo dài cuộc sống chung nên anh đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh với chị Bùi Thị N.

Về con chung: Anh xác định anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Tân H sinh 13/7/1991 và cháu Nguyễn Xuân Th sinh 01/01/1997. Hiện cả hai đã trưởng thành tự lập nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định anh và chị N có những tài sản chung sau: 01 thửa đất 1086.3m² trong đó 360m² đất ở và 726.3m² đất trồng cây lâu năm tại thửa 101 tờ bản đồ số 38 Bản đồ địa chính xã P tại Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Giấy chứng nhận mang tên Nguyễn Văn H; 01 nhà cấp 4 khoảng 70m² và công trình phụ, chuồng nuôi lợn gà trên thửa đất trên. (Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang được quản lý tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình.).

Về công nợ chung: anh xác định vợ chồng anh có nợ chung như sau:

Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình số tiền gốc là: 20.000.000 đồng và lãi anh không nhớ đến thời điểm xét xử là bao nhiêu.

Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N số tiền gốc là 17.000.000 đồng và lãi tính đến 20/8/2019 là 15.155.173 đồng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh đề nghị, anh và chị N đã tự thỏa thuận và đề nghị Ngân hàng chấp nhận sự thỏa thuận, Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị như sau: Anh được quyền sở hữu toàn bộ tài sản chung như trên, anh có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ chung của hai vợ chồng. Anh không phải thanh toán chênh lệch cho chị N.

Ý kiến của bị đơn chị Bùi Thị N: Được thể hiện trong bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị N xác định thời điểm kết hôn và chung sống như anh H trình bày là đúng. Theo chị vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm khi về chung sống vợ chồng luôn xảy ra xung đột cãi chửi nhau, do không hợp nhau về mọi mặt. Vì vậy anh chị đã ly thân 11 năm nay. Nay anh H xin tuyên bố không công nhận là vợ chồng với chị thì chị cũng đồng ý vì chị cũng xác định không còn tình cảm với anh H.

Về con chung: Chị xác định chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Tân H sinh 13/7/1991 và cháu Nguyễn Xuân Th sinh 01/01/1997. Hiện cả hai đã trưởng thành tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị và anh H tự thỏa thuận đúng như anh H đã trình bày và đề nghị Tòa án công nhận.

Ý kiến của ông Hà Đăng Th, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình thể hiện tại văn bản trả lời thông báo thụ lý của Tòa án và trong biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ như sau: Ngày 09/11/2005 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình đã cho vợ chồng ông H và bà N vay vốn theo sổ vay vốn số 3311-LAV-201400190 với thời hạn vay là 36 tháng, số tiền vay là 20.000.000 đồng, ông H và bà N mới trả lãi đến 30/6/2006 là 1.941.600 đồng (Ngân hàng đang quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn H). Tính đến ngày 28/8/2019 thì vợ chồng ông H và bà N vẫn còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 20.000.000 đồng và lãi là 56.876.402 đồng. Nay vợ chồng ông H bà N không chung sống cùng nhau, quan điểm của Ngân hàng là đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H và bà N có trách nhiệm thanh toán khoản nợ gốc và lãi theo quy định vì hiện nay khoản nợ này đã quá hạn. Ngân hàng đồng ý với thỏa thuận của ông H và bà N là ông H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

- Ý kiến của ông Vũ Văn Q đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N thể hiện tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, cụ thể như sau: Ngày 26/11/2009 Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện N có cho hộ gia đình ông H và bà N vay vốn theo sổ vay vốn Mã KH:090129. Theo đó ông H và bà N có vay của Ngân hàng số tiền gốc là: 17.000.000 đồng với thời hạn vay là 2 năm. Tuy nhiên ông H và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi, tính đến ngày 20/8/2019 ông H và bà N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 17.000.000 đồng và lãi là 15.155.173 đồng. Nay vợ chồng ông H bà N không chung sống cùng nhau, quan điểm của Ngân hàng là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bà N có trách nhiệm thanh toán khoản nợ gốc và lãi theo quy định vì khoản nợ này đã quá hạn. Ngân hàng đồng ý với thỏa thuận của ông H và bà N là ông H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

Quan điểm của UBND xã Q thể hiện tại biên bản xác minh với Tòa án nhân dân huyện N như sau: UBND xã Q xác nhận anh H và chị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, có thực hiện việc cưới hỏi theo phong tục địa phương. Về việc thực hiện đăng ký kết hôn thì hiện nay tại ủy ban không còn hồ sơ lưu trữ cũng như không có tài liệu nào thể hiện việc đăng ký kết hôn giữa anh H và chị N.

Theo cung cấp của UBND xã P: Anh H và chị N không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Mâu thuẫn giữa anh H và chị N là có thật. Vì vậy quan điểm của ủy ban đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết các vấn đề có liên quan trong vụ án đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Tại phiên tòa anh H vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện là: Yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với

chị N. Công nhận sự thỏa thuận về tài sản chung, công nợ chung giữa anh và chị N với Ngân hàng.

Tại đơn xin xử vắng mặt bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm. Đại diện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình đề nghị anh H phải có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 10/10/2019 gốc là 20.000.000 đồng và lãi là 57.413.542 đồng. Đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N đề nghị anh H phải có trách nhiệm thanh toán số nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 10/10/2019 gốc là 17.000.000 đồng và lãi là 15.396.033 đồng.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H có mặt, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điều 5, 147, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, điều 14, điều 16, khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H. Xử không công nhận anh Nguyễn Văn H và chị Bùi Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung: Không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự như sau: Anh H được sở hữu 01 thửa đất diện tích 1.086,3m² trong đó có 360 m² đất ở và 726,3 m² đất trồng cây lâu năm tại thửa 101 tờ bản đồ số 38 Bản đồ địa chính xã P tại thôn H, xã P, huyện N, giấy chứng nhận mang tên Nguyễn Văn H, 01 nhà cấp 4 khoảng 70m² và công trình phụ chuồng nuôi lợn, gà trên thửa đất. Anh H có trách nhiệm trả nợ cho: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Rịa số tiền gốc là 20.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 10/10/2019 gốc là 57.413.542 đồng; Ngân hàng Chính sách xã hội phòng giao dịch huyện N số tiền gốc là 17.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 10/10/2019 là 15.396.033 đồng. Anh H không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị N.

Ngoài ra anh H còn phải chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

4. Về án phí ly hôn: Anh Nguyễn Văn H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về chia tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Bùi Thị N xây dựng gia đình với nhau năm 1999, anh chị khai có đăng ký kết hôn nhưng hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã mất, anh chị cũng không chứng minh được việc đã đăng ký kết hôn với nhau. Xác nhận của UBND xã Q và UBND xã P cũng khẳng định không có hồ sơ chứng minh anh H và chị N đã đăng ký kết hôn tại ủy ban. Việc anh H và chị N chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là trái quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay anh H yêu cầu Tuyên bố không công nhận vợ chồng với chị N là phù hợp với quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Anh H và chị N có 02 con chung là Nguyễn Tân Hào sinh 13/7/1991 và cháu Nguyễn Xuân Thường sinh 01/01/1997, hiện hai cháu đã trưởng thành tự lập được nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận như sau: Anh H được sở hữu và sử dụng: 01 thửa đất 1086.3m² trong đó 360m² đất ở và 726.3m² đất trồng cây lâu năm tại thửa 101 tờ bản đồ số 38 Bản đồ địa chính xã P tại Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Giấy chứng nhận mang tên Nguyễn Văn H; 01 nhà cấp 4 khoảng 70m² và công trình phụ, chuồng nuôi lợn gà trên thửa đất trên. (Hiện nay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình đang quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh H). Anh H phải có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ sau: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình số tiền gốc là 20.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 10/10/2019 là 57.413.542 đồng. Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Ninh Bình - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N số tiền gốc là

17.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 10/10/2019 là 15.396.033 đồng. Anh H không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị N.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự trên là tự nguyện không trái pháp luật cần ghi nhận.

Do hai khoản nợ trên đã đến hạn thanh toán nên buộc anh Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình và Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N. Anh H tiếp tục phải chịu khoản lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng trên nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

[2.4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 16, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Bùi Thị N.

2. Về Tài sản chung, công nợ chung: Công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Anh H được sở hữu và sử dụng: 01 thửa đất 1086.3m² trong đó 360m² đất ở và 726.3m² đất trồng cây lâu năm tại thửa 101 tờ bản đồ số 38 Bản đồ địa chính xã P tại Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Giấy chứng nhận mang tên Nguyễn Văn H; 01 nhà cấp 4 khoảng 70m² và công trình phụ, chuồng nuôi lợn gà trên thửa đất trên. (Hiện nay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình đang quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn H). Anh H phải có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ sau: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình số tiền gốc là 20.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 10/10/2019 là 57.413.542 đồng. Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Ninh Bình - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N số tiền gốc là 17.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 10/10/2019 là 15.396.033 đồng. Anh H phải chịu toàn bộ khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Ninh Bình - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N.

Anh H không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị N.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải nộp là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000174 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị N, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Ninh Bình - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh